TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1079/2022/DS-ST
Ngày: 17/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0144/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS ngày 22/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-DS ngày 20/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: đường N, Phường H, Quận M, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông L

Bị đơn: Ông Đỗ Đ; cư trú tại: đường P, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2016, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng T (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngày 06/02/2012, ông Đỗ Đ có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.913.786 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 18.765.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điền khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau đó, do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng),

ngày 11/4/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 17/3/2021, ông Đ còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc là 3.027.430 đồng và lãi quá hạn là 6.163.076 đồng, tổng cộng là 9.190.506 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Đ phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền 9.190.506 đồng và ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là ông Đỗ Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng các quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn là ông Đỗ Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ là 9.190.506 đồng, trong đó nợ gốc là 3.027.430 đồng, lãi quá hạn là 6.163.076 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/02/2012, bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bảng tóm tắt sao kê có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có sử dụng thẻ tín dụng số 472074-8403 do nguyên đơn cấp với số tiền giao dịch là 10.913.786 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 18.765.000 đồng. Kể từ ngày 11/12/2016, bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nợ nào cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn là vi phạm Điều 2 bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 11/4/2017, nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 17/6/2022, bị đơn còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc là 3.027.430 đồng và lãi quá hạn là 6.163.076 đồng. Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn phải trả nguyên đơn tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17/6/2022 là 9.190.506 đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 459.525 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng T.

Buộc ông Đỗ Đ phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 3.027.430 đồng, lãi quá hạn là tính đến ngày 17/6/2022 là 6.163.076 đồng, tổng số tiền là 9.190.506 (chín triệu một trăm chín mươi ngàn năm trăm lẻ sáu) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 18/6/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/02/2012.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Đ phải chịu là 459.525 đồng.

Hoàn cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089146 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T và ông Đỗ Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan Phương